

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/HNGĐ-PT

Ngày 04 - 6 - 2020

V/v tranh chấp: “Ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Văn Ngoan.

*Các Thẩm phán:* Bà Trần Thị Kim Em;

Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lâm Hữu Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2020/TLPT-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 221/2019/HNST ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 60/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 03 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1983 ( có mặt);

Địa chỉ: Đội 4, ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**- Bị đơn:** Cao Văn E, sinh năm 1983 ( vắng mặt);

Địa chỉ: Đội 4, ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*Người kháng cáo:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo án sơ thẩm;*

*Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích T trình bày:*

Chị T với anh Cao Văn E kết hôn với nhau vào năm 2005 trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 02/2018 thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh E nghe lời bạn bè, cờ bạc, không lo làm ăn và gây nợ nần và còn đánh đập chị. Mâu thuẫn kéo dài đến tháng 4/2018 thì trở nên trầm trọng. Vợ chồng còn sống chung một nhà nhưng đã ly thân nhau.

Về con chung: Chị và anh E có 02 con chung là cháu Cao Quốc Th, sinh ngày 01/01/2006 và cháu Cao Quốc A, sinh ngày 30/9/2009, hiện chung sống với chị và anh E.

Tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị T khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với anh Cao Văn E.

Về con chung: Chị yêu cầu nuôi hai con chung là cháu Cao Quốc Th sinh ngày 01/01/2006 và cháu Cao Quốc A, sinh ngày 30/9/2009, yêu cầu anh E cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng/hai con.

*Bị đơn anh Cao Văn E trình bày:*

Về điều kiện đi đến hôn nhân như chị T trình bày là đúng. Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn có phần không đúng, anh có đánh chị T một lần cách nay khoảng 03 tháng vì thấy chị T có quan hệ thân mật với người đàn ông khác nên vợ chồng giận nhau cho đến nay, không phải ly thân như chị T trình bày. Anh đã khắc phục sửa chữa không có cờ bạc, lo làm ăn để nuôi con, hiện nay vợ chồng còn ở chung một nhà nhưng vợ chồng không nói chuyện với nhau.

Về con chung như chị T trình bày là đúng. Về tài sản chung: có tài sản chung, nợ chung không có.

Nay anh không đồng ý ly hôn với chị T vì anh còn thương vợ, thương con và anh hứa sẽ khắc phục nhược điểm để vợ chồng chung sống lo cho các con. Nếu anh không sửa chữa khắc phục nhược điểm thì chị T ly hôn anh đồng ý.

- Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 221/2019/HN-ST ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang áp dụng: khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ Luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích T yêu cầu ly hôn với anh Cao Văn E.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của đương sự theo qui định của pháp luật.

\* Ngày 03/11/2019, chị Nguyễn Thị Bích T có đơn kháng cáo yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm xét xử cho chị T được ly hôn với anh E.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, chị T yêu cầu được ly hôn với anh Cao Văn E, yêu cầu được nuôi hai con chung và anh E có nghĩa vụ cấp dưỡng hai con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

- Đại diện kiểm sát viên phát biểu:

+ Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh E là hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng giữa hai anh chị đã thật sự trầm trọng, khó có thể hàn gắn lại được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị T. Sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của chị Nguyễn Thị Bích T nộp ghi ngày 04/11/2019 tại các bút lục 51, 52 còn trong thời hạn luật định và hợp lệ đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật, chị Nguyễn Thị Bích T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Cao Văn E. Do đó, Tòa sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Xin ly hôn” là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh E kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/7/2005 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 02 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn do anh E ham mê cờ bạc, không lo phụ giúp gia đình, ghen tuông nghi ngờ chị có quan hệ tình cảm với người khác nên đánh chị, mâu thuẫn kéo dài đến tháng 4/2018 thì trầm trọng, mặc dù vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng đã ly thân nhau cho đến nay. Anh E cũng thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhỏ, anh thấy chị có quan hệ thân mật với người đàn ông khác nên có đánh chị 01 lần và từ đó vợ chồng giận nhau. Nay anh còn thương vợ con, vợ chồng vẫn ở chung một nhà, anh hứa sẽ khắc phục sửa chữa khuyết điểm, chăm lo làm ăn để nuôi con và mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh E là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bản thân anh ham mê cờ bạc, không lo phụ giúp gia đình, ghen tuông nghi ngờ chị có quan hệ tình cảm với người khác nên đánh chị, mâu thuẫn kéo dài đến tháng 4/2018 thì trầm trọng, mặc dù vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng đã ly thân nhau cho đến nay, lẽ ra khi phát sinh mâu thuẫn, cả hai anh chị phải tìm biện pháp khắc phục những thiếu sót trong cuộc sống nhằm duy trì quan hệ hôn nhân, xây dựng hạnh phúc gia đình chăm lo cho các con, nhưng anh chị không làm được điều này mà để mâu thuẫn kéo dài nhiều năm, dẫn đến tình cảm vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng, sống ly thân bỏ mặc không quan tâm chăm sóc nhau. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã phân tích, động viên hai anh chị hàn gắn tình cảm, đoàn tụ lại với nhau. Tuy nhiên, chị T khẳng định không còn tình cảm với anh E và cương quyết xin được ly hôn với anh E. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng hôn nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh E đã thật sự trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của chị T là chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, yêu cầu kháng cáo của chị T là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung cấp phúc thẩm chưa xem xét. Để đảm bảo 02 cấp xét xử, khi có tranh chấp tòa án thụ lý giải quyết bằng vụ kiện khác.

[5] Xét đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của chị T được chấp nhận nên chị không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 148; khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309, của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 53, 56, 81 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Bích T.

Sửa bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 221/2012/HNST ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với anh Cao Văn E.

## 2. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002272 ngày 23/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã nộp xong án phí.

- Chị T không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn lại chị T 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002539 ngày 04/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

### ***Nơi nhận:***

- TAND huyện C;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- UBND xã H, h. C;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Văn Ngoan**